

Bản án số: 272/2024/DS-ST

Ngày 20/9/2024.

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐÔNG ĐA - THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Công Hách

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Mai

Bà Nguyễn Thị Cờ

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hương – Thư ký Tòa án nhân dân quận Đông Đa, Thành phố Hà Nội.

Viện kiểm sát nhân dân quận Đông Đa tham gia phiên tòa: Bà Phạm Hà Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đông Đa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 180/2024/TLST-DSST ngày 20 tháng 5 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 239/2024/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 247/2024/QĐST-DS ngày 22 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S (S1);

Địa chỉ trụ sở: Số B - B N, Phường V, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan A - Nhân viên Công ty TNHH MTV Q và khai thác tài sản Ngân hàng S; Địa chỉ: Tầng B số B - B Bà T, phường L, quận H, Thành phố Hà Nội. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim D1, sinh năm: 1961;

Nơi ĐKKHKT và nơi cư trú: Số H ngõ C L, phường T, quận Đ, Thành phố Hà Nội (số cũ: Số F Ngõ H, phường T, quận Đ, thành phố Hà Nội). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 12/4/2024 và văn bản tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần S ông Phan A trình bày như sau:

Ngày 08/11/2019, Bà Nguyễn Thị Kim D1 có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, bản Điều khoản, Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà D1, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ số thẻ 436438 – 0015 với hạn mức sử dụng là 225,000,000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông L đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 4,887,482,358 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà D1 đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 4,678,044,083 đồng. (Thứ tự thanh toán áp dụng theo Điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà D1 vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà D1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 06/03/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Tính đến ngày 20/9/2024, bà D1 còn nợ Ngân hàng tổng cộng: 411.822.759 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm mười một triệu tám trăm hai mươi hai nghìn bảy trăm năm mươi chín đồng), trong đó nợ gốc: 242.082.634 đồng, lãi quá hạn 169.740.125 đồng.

Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu bà D1 có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên bà D1 vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký.

Nay Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Kim D1 phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 20/9/2024 là: 411.822.759 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm mười một triệu tám trăm hai mươi hai nghìn bảy trăm năm mươi chín đồng).

Buộc bà Nguyễn Thị Kim D1 có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh sau ngày 20/9/2024 cho đến khi trả dứt nợ gốc vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Về án phí: Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, ngân hàng không có yêu cầu gì khác.

Quá trình tiến hành giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành thông báo cho bà Nguyễn Thị Kim D1 biết Tòa án đã thụ lý vụ án tranh chấp Hợp đồng tín dụng do Ngân hàng TMCP S khởi kiện đối với bà Nguyễn Thị Kim D1 và triệu tập bà D1 đến Tòa để giải quyết vụ án, nhưng bà D1 không đến Tòa thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự

giải quyết vụ án. Qua xác minh tại Công an phường T thể hiện bà Nguyễn Thị Kim D1 không còn sinh sống tại địa chỉ đăng ký HKTT: Số F Ngõ H, phường T, quận Đ, thành phố Hà Nội (địa chỉ cũ) và số H ngõ C L, phường T, quận Đ, Thành phố Hà Nội (là địa chỉ mới), hiện tại bà D1 ở đâu không biết. Theo quy định tại khoản 3 Điều 40 Bộ luật dân sự năm 2015 và điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015 thì việc bà D1 chuyển đi nơi khác không còn ở tại địa chỉ ghi trong các Hợp đồng tín dụng mà bà Nguyễn Thị Kim D1 ký kết với Ngân hàng TMCP S thì bà D1 phải có nghĩa vụ thông báo cho Ngân hàng TMCP S biết về việc thay đổi địa chỉ cư trú của bà D1. Việc bà D1 thay đổi địa chỉ không thông báo cho Ngân hàng được coi là cố tình giấu địa chỉ nên theo quy định của pháp luật Tòa án nhân dân quận Đống Đa đã niêm yết các thông báo, giấy báo và quyết định của Tòa án tại địa chỉ cư trú cuối cùng và nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của bà D1. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật ra quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Ngân hàng TMCP S có đơn xin xét xử vắng mặt và đề nghị vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân quận Đống Đa buộc bà Nguyễn Thị Kim D1 thanh toán cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 20/9/2024 là 411.822.759 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm mười một triệu tám trăm hai mươi hai nghìn bảy trăm năm mươi chín đồng), trong đó nợ gốc: 242.082.634 đồng, lãi quá hạn 169.740.125 đồng.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Kim D1 vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa tham gia phiên tòa có ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến khi quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã tiến hành tố tụng theo đúng các quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa nhận định, đánh giá tính hợp pháp của Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng TMCP S với bà Nguyễn Thị Kim D1 và có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S, buộc bà Nguyễn Thị Kim D1 có trách nhiệm thanh toán trả cho Ngân hàng TMCP S toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi tính đến ngày 20/9/2024 là: 411.822.759 đồng và lãi phát sinh tính từ ngày 21/9/2024 cho đến khi thanh toán hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản điều khoản Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng tương ứng với thời gian chưa thanh toán.

Bà Nguyễn Thị Kim D1 phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ yêu cầu khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án dân sự này là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim D1 có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại số F Ngõ H, phường T, quận Đ, thành phố Hà Nội (trước đây số cũ là: Số F Ngõ H, phường T, quận Đ, thành phố Hà Nội). Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Đống Đa theo khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập, triệu tập bà Nguyễn Thị Kim D1 đến tham gia phiên tòa, thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự tại phiên tòa nhưng bà D1 vắng mặt. Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ngân hàng TMCP S và bà Nguyễn Thị Kim D1 là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xét thấy, Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) ký ngày 08/11/2019 giữa Ngân hàng TMCP S và bà Nguyễn Thị Kim D1 được các bên ký trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, vì vậy xác định là Hợp đồng hợp pháp có hiệu lực thi hành với các bên. Bà D1 được cấp thẻ số thẻ 436438 – 0015 với hạn mức sử dụng là 225,000,000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Quá trình sử dụng thẻ tín dụng bà D1 đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 4,887,482,358 đồng, bà D1 đã thanh toán cho ngân hàng là 4,678,044,083 đồng (Bốn tỷ sáu trăm bảy mươi tám triệu không trăm bốn mươi bốn nghìn không trăm tám mươi ba đồng). Sau đó bà D1 không tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng nữa mặc dù đã được Ngân hàng làm việc, nhắc nhở nhiều lần. Ngày 06/3/2023, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu của bà D1 sang nợ quá hạn theo Điều 23 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Nay ngân hàng xác nhận tạm tính đến ngày 20/9/2024 bà Nguyễn Thị Kim D1 còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc và lãi là: 411.822.759 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm mười một triệu tám trăm hai mươi hai nghìn bảy trăm năm mươi chín đồng), trong đó nợ gốc: 242.082.634 đồng, lãi quá hạn 169.740.125 đồng. Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Kim D1 phải thanh toán trả Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi nêu trên.

[3.1]. Xét yêu cầu thanh toán số tiền nợ gốc: 242,082,634 đồng. Hội đồng xét xử căn cứ vào Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, bản sao kê sử dụng thẻ tín dụng của bà Nguyễn Thị Kim D1 với Ngân hàng TMCP S đủ cơ sở xác nhận bà Nguyễn Thị Kim

D1 còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc là: 242,082,634 đồng (Bằng chữ: Hai trăm bốn mươi hai triệu không trăm tám mươi hai nghìn sáu trăm ba mươi tư đồng) nên việc Ngân hàng TMCP S đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Kim D1 phải thanh toán trả Ngân hàng số tiền nợ gốc trên là có căn cứ chấp nhận và phù hợp với quy định của pháp luật.

[3.2]. Xét yêu cầu tính lãi: căn cứ Điều 23 Bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thương mại cổ phần S quy định: Việc không thanh toán ít nhất số tiền tối thiểu của chủ thẻ cho đến kỳ phát sinh thông báo tiếp theo sẽ tạo nên sự vi phạm theo hợp đồng. Trong trường hợp này toàn bộ tổng dư nợ sẽ trở nên đến hạn ngay lập tức và chủ thẻ phải thanh toán. Bà Nguyễn Thị Kim D2 sử dụng thẻ từ ngày 08/11/2019 quá trình sử dụng thẻ bà D2 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, Ngân hàng đã nhắc nhở bà D2, qua nhiều lần làm việc nhưng bà D2 không có thiện chí trả nợ. Do bà D2 vi phạm Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng nên ngày 06/3/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu của bà D2 sang nợ quá hạn là đúng quy định của hợp đồng và phù hợp với các quy định của pháp luật về lãi suất được quy định khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng được sửa đổi, bổ sung năm 2010, Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao hướng dẫn về áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Tạm tính đến ngày 24/7/2024, bà D2 còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc là: 242,082,634 đồng (Hai trăm bốn mươi hai triệu không trăm tám mươi hai nghìn sáu trăm ba mươi tư đồng), lãi suất quá hạn được tính bằng 150% lãi suất trong hạn, tính từ ngày 06/3/2023 đến ngày 24/7/2024 là: 169.740.125 đồng (Bằng chữ: Một trăm sáu mươi chín triệu bảy trăm bốn mươi nghìn một trăm hai mươi lăm đồng). Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP S buộc bà Nguyễn Thị Kim D1 phải thanh toán số tiền nợ lãi quá hạn là: 169.740.125 đồng (Bằng chữ: Một trăm sáu mươi chín triệu bảy trăm bốn mươi nghìn một trăm hai mươi lăm đồng).

Như vậy, số tiền nợ gốc và lãi bà Nguyễn Thị Kim D1 phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP S là: 411.822.759 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm mười một triệu tám trăm hai mươi hai nghìn bảy trăm năm mươi chín đồng).

Về án phí: Ngân hàng TMCP S được chấp nhận yêu cầu nên không phải chịu án dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị Kim D1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

- Căn cứ các Điều 463, 466 và khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao hướng dẫn về áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S đối với bà Nguyễn Thị Kim D1 về việc thanh toán số tiền chậm trả theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản điều khoản Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng.

Xác nhận bà Nguyễn Thị Kim D1 còn nợ Ngân hàng TMCP S số tiền nợ gốc và lãi là 411.822.759 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm mười một triệu tám trăm hai mươi hai nghìn bảy trăm năm mươi chín đồng), trong đó nợ gốc: 242.082.634 đồng, lãi quá hạn 169.740.125 đồng.

Buộc bà Nguyễn Thị Kim D1 phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền là 411.822.759 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm mười một triệu tám trăm hai mươi hai nghìn bảy trăm năm mươi chín đồng).

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim D1 phải chịu 20.472.910 đồng (Bằng chữ: Hai mươi triệu bốn trăm bảy mươi hai nghìn chín trăm mười đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả Ngân hàng thương mại cổ phần S 8,395,381 đồng (Bằng chữ: Tám triệu ba trăm chín mươi lăm nghìn ba trăm tám mươi một đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 000001244221 ngày 17/05/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Đống Đa.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xử án sơ thẩm, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản điều khoản Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, Ngân hàng thương mại cổ phần S và bà Nguyễn Thị Kim D1 vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa;
- TAND TP Hà Nội;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Công Hách